



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

DỰ THẢO LẤY Ý KIẾN RỘNG RÃI

DT QCVN 2:2019/BKHCN

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ MŨ BẢO HIỂM CHO NGƯỜI ĐI MÔ TÔ, XE MÁY**

***National technical regulation
on protective helmets for motorcycle and moped users***

HÀ NỘI - 2019

Lời nói đầu

QCVN 2:2019/BKHCN thay thế QCVN 2:2008/BKHCN.

QCVN 2:2019/BKHCN do Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số /2019/TT-BKHCN ngày ... tháng ... năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ MŨ BẢO HIỂM CHO NGƯỜI ĐI MÔ TÔ, XE MÁY

National technical regulation on protective helmets for motorcycle and moped users

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định mức giới hạn của quy định kỹ thuật đối với mũ bảo hiểm cho người đi xe mô tô, xe gắn máy, kể cả xe đạp máy, xe máy điện, xe đạp điện và các loại xe tương tự (gọi chung là mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy và dưới đây viết tắt là mũ) và các quy định quản lý chất lượng mũ trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông, phân phối. Danh mục sản phẩm mũ và mã HS tương ứng được nêu tại phụ lục Quy chuẩn kỹ thuật này

Quy chuẩn kỹ thuật này không áp dụng đối với các loại mũ dùng cho người đi các loại xe đua, xe thể thao và các loại xe chuyên dụng khác.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phân phối mũ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật này, các từ ngữ được sử dụng theo quy định tại Điều 2 của TCVN 5756:2017 và các từ ngữ dưới đây:

1. *Kiểu mũ* là các mũ cùng loại, cùng cỡ, cùng một thiết kế, được sản xuất bằng cùng vật liệu.

2. *Khối lượng mũ* là khối lượng của mũ hoàn chỉnh, kể cả các bộ phận được lắp trên mũ.

3. *Lô sản phẩm* là các mũ cùng kiểu và được sản xuất cùng một đợt trên cùng một dây chuyền công nghệ.

4. *Lô hàng hoá* là các mũ cùng kiểu, có cùng nội dung ghi nhãn, do một tổ chức, cá nhân nhập khẩu, phân phối, bán lẻ tại cùng một địa điểm.

5. *Mẫu điển hình* là mẫu bao gồm một số lượng mẫu cụ thể đại diện mang tính điển hình cho một kiểu mũ được lấy ngẫu nhiên tại cơ sở sản xuất, dùng để xác định giá trị của các chỉ tiêu theo quy định kỹ thuật và làm căn cứ cho việc đánh giá, chứng nhận mũ bảo hiểm.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Loại, kết cấu, cỡ, thông số và kích thước cơ bản

2.1.1. Loại, kết cấu của mũ phải thực hiện theo Điều 3 TCVN 5756:2017.

2.1.2. Cỡ, thông số và kích thước cơ bản của mũ phải thực hiện theo Điều 4 TCVN 5756:2017.

2.1.3. Kích thước lưỡi trai (nếu có) tính từ điểm kết nối với vỏ mũ đến điểm xa nhất của lưỡi trai (trên mặt phẳng đối xứng của mũ) không được lớn hơn:

- 70 mm đối với lưỡi trai rời tháo lắp được;
- 50 mm đối với lưỡi trai liền khối với vỏ mũ.

2.2. Quy định kỹ thuật

2.2.1. Mũ phải được chế tạo từ các vật liệu phù hợp với yêu cầu tại 5.1 TCVN 5756:2017.

2.2.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản của mũ và phương pháp thử phải thực hiện theo quy định trong Bảng 1 Quy chuẩn này.

Bảng 1 - Chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản của mũ và phương pháp thử

TT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Phương pháp thử
1	Khối lượng mũ, kể cả các bộ phận kèm theo	Theo 5.2 TCVN 5756:2017	Theo 6.3 TCVN 5756:2017
2	Bề mặt phía ngoài của vỏ mũ và các bộ phận kèm theo	Theo 5.3, 5.4 TCVN 5756:2017	Theo 6.2 TCVN 5756:2017
3	Kích thước và phạm vi bảo vệ của vỏ mũ và lớp đệm hấp thụ xung động	Theo 5.5 TCVN 5756:2017	Theo 6.4 TCVN 5756:2017
4	Độ bền va đập và hấp thụ	Theo 5.6 TCVN	Theo 6.5 TCVN

	xung động	5756:2017	5756:2017
5	Độ bền đâm xuyên	Theo 5.7 TCVN 5756:2017	Theo 6.6 TCVN 5756:2017
6	Độ bền quai đeo	Theo 5.8 TCVN 5756:2017	Theo 6.7 TCVN 5756:2017
7	Độ ổn định	Theo 5.9 TCVN 5756:2017	Theo 6.8 TCVN 5756:2017
8	Góc nhìn	Theo 5.10 TCVN 5756:2017	Theo 6.9 TCVN 5756:2017
9	Kính bảo vệ (nếu có)		
	- Đặc tính cơ học	Theo 5.11a) TCVN 5756:2017	Theo 6.10.1 TCVN 5756:2017
	- Hệ số truyền sáng	Theo 5.11 b) TCVN 5756:2017	Theo 6.10.2 TCVN 5756:2017
	- Sự sai khác hình ảnh và màu sắc	Theo 5.11 c) TCVN 5756:2017	Theo 6.10.3 TCVN 5756:2017

2.2.3. Chuẩn bị mẫu thử phải thực hiện theo 6.1 TCVN 5756:2017.

2.3. Ghi nhãn và thể hiện dấu hợp quy CR

2.3.1. Trên mũ và trên bao bì của mũ phải ghi nhãn theo quy định hiện hành. Nhãn phải được thể hiện một cách rõ ràng, dễ đọc. Nhãn gắn trên mũ phải bền và không bị bong, rách, mờ trong quá trình vận chuyển và sử dụng. Nội dung bắt buộc của nhãn bao gồm:

- a) Cụm từ: “Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy”;
- b) Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- c) Kiểu mũ;
- d) Cỡ mũ (chu vi vòng đầu);
- đ) Khối lượng mũ (dung sai khối lượng);
- e) Tháng, năm sản xuất;

- g) Hướng dẫn sử dụng (nội dung hướng dẫn cụ thể về cách sử dụng mũ được ghi trực tiếp trên mũ hoặc trong bản hướng dẫn sử dụng kèm theo);
- h) Thông tin cảnh báo (nếu có).

Đối với mũ nhập khẩu, nếu trên nhãn chưa thể hiện hoặc thể hiện chưa đủ nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt thì phải có nhãn phụ thể hiện những nội dung bắt buộc tương ứng được dịch từ nhãn gốc của mũ sang tiếng Việt và bổ sung những nội dung bắt buộc còn thiếu theo quy định nêu trên, tên và địa chỉ của cơ sở nhập khẩu mũ. Nhãn gốc của mũ phải được giữ nguyên.

2.3.2. Dấu hợp quy CR phải được thể hiện một cách rõ ràng, dễ nhận biết, được in trực tiếp trên mũ hoặc in trên chất liệu không thấm nước gắn trên mũ và phải bền, không bị bong, rách, mờ trong quá trình vận chuyển và sử dụng.

Dấu hợp quy CR và các thông tin liên quan phải được thể hiện như sau:

- a) Hình dạng và kích thước của dấu hợp quy CR theo Phụ lục 1 của Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;
- b) Dấu hợp quy CR phải được thể hiện kèm theo tối thiểu các thông tin: tên viết tắt (có thể kèm lôgô) của tổ chức chứng nhận, số của giấy chứng nhận.

3. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

3.1. Mũ sản xuất trong nước phải được công bố hợp quy phù hợp với các quy định kỹ thuật liên quan tại Mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật này và gắn dấu hợp quy trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

Việc công bố hợp quy mũ bảo hiểm sản xuất trong nước, phù hợp với các quy định kỹ thuật tại Mục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật này căn cứ trên cơ sở kết quả thực hiện chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận (đối với mũ bảo hiểm sản xuất, nhập khẩu), tổ chức giám định (đối với mũ bảo hiểm nhập khẩu) đã đăng ký theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ hoặc tổ chức chứng nhận đã được thừa nhận theo quy định của pháp luật.

Nội dung và trình tự công bố hợp quy được thực hiện theo quy định tại Thông tư 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

3.2. Mũ nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng phù hợp với các quy định tại mục 2, được gắn dấu hợp quy (dấu CR) trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

Việc kiểm tra chất lượng và miễn kiểm tra chất lượng mũ nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.3. Các phương thức đánh giá sự phù hợp và nguyên tắc áp dụng được quy định tại Điều 5 và Phụ lục II của *Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật* ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ cụ thể như sau:

a) Mũ sản xuất trong nước:

- Theo phương thức 5 (Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất) trong trường hợp quá trình sản xuất mũ của cơ sở là liên tục và ổn định.

Hoặc:

- Theo phương thức 7 (Thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm, hàng hóa) trong trường hợp quá trình sản xuất của cơ sở sản xuất là không liên tục hoặc chỉ sản xuất theo từng lô mũ sản phẩm và việc kiểm soát quá trình sản xuất chỉ thực hiện đối với việc sản xuất từng lô mũ sản phẩm hoặc trong trường hợp quá trình sản xuất đang hoàn thiện, chưa hoàn toàn ổn định trong giai đoạn sản xuất ban đầu.

b) Mũ nhập khẩu:

- Theo phương thức 7 (Thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm, hàng hóa) đối với từng lô mũ bảo hiểm nhập khẩu trong trường hợp lô mũ bảo hiểm nhập khẩu chưa được đánh giá chứng nhận hợp quy phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật này.

Hoặc:

- Theo phương thức 5 quy định tại cơ sở sản xuất nước ngoài khi có yêu cầu chứng nhận từ phía cơ sở sản xuất nước ngoài.

3.4. Mũ lưu thông trên thị trường phải đảm bảo chất lượng phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật này, phù hợp với tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất mũ công bố áp dụng và chịu sự kiểm tra nhà nước về chất lượng theo quy định của pháp luật.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

4.1. Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu mũ phải thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng có nội dung không được trái với Quy chuẩn kỹ thuật này, đảm bảo chất lượng mũ phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và tiêu chuẩn công bố áp dụng.

4.2. Doanh nghiệp sản xuất mũ phải thực hiện công bố hợp quy theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này

4.3. Doanh nghiệp nhập khẩu mũ phải thực hiện việc chứng nhận hợp quy và đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với mũ nhập khẩu theo quy định tại 3.2, 3.3 và 3.5 Quy chuẩn kỹ thuật này và có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ chất lượng mũ, Giấy chứng nhận hợp quy theo quy định của pháp luật hiện hành; Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng mũ nhập khẩu); công khai danh sách các đại lý, cửa hàng bán lẻ mũ; cung cấp bản sao (sao y bản chính) Giấy chứng nhận hợp quy mũ cho đại lý, cửa hàng bán lẻ mũ.

4.4. Các tổ chức, cá nhân phân phối mũ (doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hộ gia đình) phải chịu trách nhiệm bán mũ đáp ứng các quy định kỹ thuật và quy định quản lý trong Quy chuẩn kỹ thuật này; thông báo công khai về tên, địa chỉ đại lý, cửa hàng bán lẻ mũ và lưu giữ tại nơi bán mũ bản sao (sao y bản chính) Giấy chứng nhận hợp quy đối với mũ do doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu mũ cung cấp.

4.5. Tổ chức đánh giá sự phù hợp sản phẩm mũ chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

Trong trường hợp mũ nhập khẩu thuộc đối tượng của thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp giữa tổ chức chứng nhận trong nước và tổ

chức chứng nhận nước ngoài, tổ chức chứng nhận trong nước phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thừa nhận kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận nước ngoài theo thỏa thuận trên.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

Căn cứ vào quy định quản lý, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm đề xuất, kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật này.

5.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản, tiêu chuẩn mới.

PHỤ LỤC

DANH MỤC SẢN PHẨM MŨ BẢO HIỂM CHO NGƯỜI ĐI MÔ TÔ, XE MÁY
THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA QCVN 2:2019/BKHCN

TT	Tên sản phẩm	Mã HS
1.	Mũ bảo hiểm cho người đi xe máy	6506.10.10
